

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu về dự án

1. **Tên dự án:** Đường tuần tra biên giới trên địa bàn thành phố Huế.
2. **Nhóm dự án:** Nhóm B.
3. **Cấp quyết định đầu tư:** Bộ Quốc phòng.
4. **Chủ đầu tư:** Quân khu 4.
5. **Địa điểm đầu tư:** Các xã Hồng Thái, Quảng Nhâm, huyện A Lưới, thành phố Huế.

6. **Mục tiêu đầu tư:** Dàn xếp kín tuyến đường tuần tra biên giới trên địa bàn tỉnh, phục vụ Bộ đội biên phòng tuần tra khu vực biên giới kết hợp phát triển kinh tế - xã hội vùng biên.

7. **Hình thức đầu tư:** Xây dựng mới.

8. Nội dung, quy mô đầu tư

Gồm 02 tuyến mở mới với tổng chiều dài 17,92km, đường ô tô có Bnên = 5,5m; Bmặt = 3,5m; Blề = 2x1m; mặt đường BTXM dày 18cm trên lớp móng cấp phối đá dăm; hệ thống công trình thoát nước, công trình an toàn giao thông.... đồng bộ đi kèm:

- Đường dọc biên từ khu vực Mốc 649/2(1) đi khu vực Mốc 650 dài 5,26km, điểm đầu từ khu vực Mốc 649/2(1), điểm cuối tại khu vực Mốc 650 (Đập thủy điện A Lưới) xã Nhâm, huyện A Lưới;

- Đường ngang từ xã Hồng Thái đi khu vực Mốc 651 dài 12,66km; điểm đầu tiếp nối đường bê tông xã Hồng Thái, điểm cuối giao Km0+400 thuộc Đường từ Đập thủy điện A Lưới đi biên giới Việt - Lào, xã Hồng Thái, huyện A Lưới; có 01 cầu lớn chiều dài khoảng 300m.

9. **Tổng mức đầu tư (dự kiến):** 441.000.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một tỷ đồng).

10. **Tiến độ thực hiện đầu tư:** Năm 2026-2029.

II. Giới thiệu về gói thầu

1. Tên gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu TV-03: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Giá gói thầu phê duyệt: 3.055.181.000 đồng;

- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước;

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày;

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2025;

- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Tuyển chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi phù hợp với quy mô dự án như đã được mô tả nêu trên, đảm bảo những yêu cầu sau đây:

- Đáp ứng được hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn phù hợp, có giá dự thầu đảm bảo kinh tế và kỹ thuật;

- Khách quan, công khai, công bằng, minh bạch;

- Đạt yêu cầu tiến độ, chất lượng, đúng quy trình, quy phạm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. Phạm vi công việc:

1. Nội dung và khối lượng công việc thực hiện:

Nội dung và phạm vi công việc Tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, với một số nội dung cơ bản như sau:

1.1. Khảo sát bước lập BCNCKT

1.1.1. Phạm vi khảo sát

Gồm 02 tuyến đường mở mới với chiều dài khoảng 17,92km:

+ Tuyến số 1: Đường dọc biên từ khu vực Mốc 649/2(1) đi khu vực Mốc 650.

- Điểm đầu: Tại khu vực Mốc 649/2(1).

- Điểm cuối: Tại khu vực Mốc 650 (Đập thủy điện A Lưới).

- Chiều dài tuyến: khoảng 5,26km.

+ Tuyến số 2: Đường ngang từ xã Hồng Thái đi khu vực Mốc 651.

- Điểm đầu: Tại vị trí tiếp nối đường bê tông xã Hồng Thái.

- Điểm cuối: Tại vị trí giao Km0+400 thuộc Đường từ Đập thủy điện A Lưới đi biên giới Việt - Lào; có 01 cầu lớn chiều dài khoảng 300m.

- Chiều dài tuyến: khoảng 12,66km

1.1.2. Quy trình quy phạm, tiêu chuẩn áp dụng

TT	Tiêu chuẩn	Số hiệu
I	Tiêu chuẩn áp dụng trong công tác khảo sát:	
1	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 (phần ngoài trời)	96TCN 43-90
2	Quy phạm đo vẽ địa hình (phần nội nghiệp)	96TCN 43-90
3	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020

TT	Tiêu chuẩn	Số hiệu
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
6	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung	TCVN 9398-2012
7	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
8	Quy trình khoan thăm dò địa chất	TCVN 9437:2012
9	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT và CPTU)	TCVN 9846:2013
10	Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22TCN355-06
11	Đất xây dựng – Phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
II	Tiêu chuẩn áp dụng trong công tác thiết kế:	
	<i>Thiết kế tuyến</i>	
1	Tiêu chuẩn Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế (tham khảo)	TCVN 4054-2005
2	Đường tuần tra biên giới – Yêu cầu thiết kế	TCVN/QS 1472:2009
3	Đường GTNT – Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
4	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
5	Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
6	Quy định thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình giao thông	QCVN 07-4:2016
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước	QCVN 07-2:2016
9	Quy trình đánh giá tác động môi trường khi lập dự án khả thi và thiết kế xây dựng các công trình giao thông	22TCN 242-98
	<i>Thiết kế cầu và công trình</i>	
1	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
2	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
3	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386-1:2012

TT	Tiêu chuẩn	Số hiệu
		TCVN 9386-2:2012
4	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
5	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2012
6	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN5574:2018
7	Định hình thiết kế tường chắn của Bộ GTVT	86-06X
8	Công trình thủy lợi - quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi (tham khảo)	TCVN 9152 : 2012
9	Thiết kế cầu đường bộ - Phần 11: Mố, trụ và tường chắn	TCVN 11823-11:2017
10	Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn	22TCN 18-79
11	Thiết kế cống tròn BTCT của Viện thiết kế GTVT	533-01-01; 533-01-02
12	Cống hộp BTCT	TCVN 9116:2012

1.1.3. Nội dung, khối lượng dự kiến

a. Nội dung

Công tác khảo sát bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Điều tra, thu thập số liệu;
- Công tác khảo sát địa hình:
 - + Kiểm tra, xây dựng bổ sung lưới tọa độ, độ cao (nếu có);
 - + Khảo sát địa hình tuyến (Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang).
 - + Khảo sát địa hình công trình thoát nước (cầu, cống);
- Công tác khảo sát thủy văn tuyến và công trình;
- Công tác khảo sát địa chất:
 - + Khoan bổ sung đánh giá và xác định địa chất nền đường và cầu.
 - + Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất, đá.
- Khảo sát mỏ vật liệu và bãi đổ thải (cập nhật - bổ sung).

b. Khối lượng dự kiến

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Tuyến dọc	Tuyến ngang	TỔNG
I	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH				
I.1	Khảo sát tuyến	km	5,26	12,66	17,92
1	Phát rừng loại III bằng thủ công, mật độ cây tiêu chuẩn trên 100m ² : 0 cây	100m ²	73,64	177,24	250,88
2	Đo khống chế độ cao thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình IV	km	4,21	10,13	14,336
3	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn, tỷ lệ (1/200; 1/2000), cấp địa hình V	100m	31,56	75,96	107,52

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Tuyến dọc	Tuyến ngang	TỔNG
4	Đo vẽ MCN tuyến ở trên cạn, cấp địa hình V	100m	94,68	227,88	322,56
I.2	Khảo sát cầu, tràn				
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình, tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình V	ha		5,0	5,0
	+ Đo vẽ chi tiết bản đồ trên cạn	ha		3,75	3,75
	+ Đo vẽ chi tiết bản đồ dưới nước	ha		1,25	1,25
2	Đo vẽ cắt dọc đường đầu cầu (tỷ lệ 1/1000;1/100), cấp địa hình V	100m		5,0	5,0
	+ Đo vẽ trắc dọc trên cạn	100m		3,50	3,50
	+ Đo vẽ trắc dọc dưới nước	100m		1,50	1,50
3	Đo vẽ mặt cắt ngang đường đầu cầu (tỷ lệ 1/200), địa hình cấp V	100m		18,0	18,0
	+ Đo vẽ trắc ngang trên cạn	100m		12,60	12,60
	+ Đo vẽ trắc ngang dưới nước	100m		5,40	5,40
II	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT				
II.1	Địa chất tuyến (nền đường + cống)				
2.1	Lỗ khoan nền đường (+ kết hợp cống lớn)	md	35,0	91,0	126,0
+	Chiều dài khoan đất đá cấp I-III	m	30,0	78,0	108,0
+	Cấp nước phục vụ khoan trên cạn	m	30,0	78,0	108,0
+	Chiều dài khoan đất đá cấp IV-VI	m	5,0	13,0	18,0
+	Cấp nước phục vụ khoan trên cạn	m	5,0	13,0	18,0
2.2	Thí nghiệm mẫu trong phòng				
+	Mẫu nguyên dạng	mẫu	10,0	26,0	36,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Khối lượng riêng	Chỉ tiêu	10,0	26,0	36,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Độ ẩm, độ hút ẩm	Chỉ tiêu	10,0	26,0	36,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Chỉ tiêu	10,0	26,0	36,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Thành phần hạt	Chỉ tiêu	10,0	26,0	36,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	Chỉ tiêu	20,0	52,0	72,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	Chỉ tiêu	10,0	26,0	36,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Khối thể	Chỉ tiêu	10,0	26,0	36,0

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Tuyển đọc	Tuyển ngang	TỔNG
	tích (dung trọng)				
+	Mẫu không nguyên dạng	mẫu	5,0	13,0	18,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Thành phần hạt	Chỉ tiêu	5,0	13,0	18,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Chỉ tiêu	5,0	13,0	18,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Tỷ trọng D	Chỉ tiêu	5,0	13,0	18,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Độ chặt tiêu chuẩn	Chỉ tiêu	10,0	26,0	36,0
II.2	Địa chất công trình (cầu, tràn)			3,0	3,0
-	Tổng chiều dài khoan trên cạn	md		25,0	25,0
+	Chiều dài khoan đất đá cấp I-III	m		15,0	15,0
	Cấp nước phục vụ khoan trên cạn	m		15,0	15,0
+	Chiều dài khoan đất đá cấp IV-VI	m		10,0	10,0
	Cấp nước phục vụ khoan trên cạn	m		10,0	10,0
-	Tổng chiều dài khoan dưới nước	md		50,0	50,0
+	Chiều dài khoan đất đá cấp I-III	m		30,0	30,0
+	Chiều dài khoan đất đá cấp IV-VI	m		20,0	20,0
-	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT):				
+	Đất đá cấp I-III	lần		22,0	22,0
+	Đất đá cấp IV-VI	lần		15,0	15,0
-	Thí nghiệm mẫu trong phòng				
+	Mẫu nguyên dạng	mẫu		16,0	16,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Khối lượng riêng	Chỉ tiêu		16,0	16,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Độ ẩm, độ hút ẩm	Chỉ tiêu		16,0	16,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Chỉ tiêu		16,0	16,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Thành phần hạt	Chỉ tiêu		16,0	16,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	Chỉ tiêu		32,0	32,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	Chỉ tiêu		16,0	16,0

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Tuyển đọc	Tuyển ngang	TỔNG
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Khối thể tích (dung trọng)	Chỉ tiêu		16,0	16,0
+	Mẫu không nguyên dạng	mẫu		7,0	7,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Thành phần hạt	Chỉ tiêu		7,0	7,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Chỉ tiêu		7,0	7,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Tỷ trọng D	Chỉ tiêu		7,0	7,0
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Chỉ tiêu thí nghiệm: Độ chặt tiêu chuẩn	Chỉ tiêu		14,0	14,0
+	Mẫu đá	mẫu		9,0	9,0
	Thí nghiệm đá dăm, sỏi - Chỉ tiêu thí nghiệm: Cường độ nén của đá nguyên khai	Chỉ tiêu		9,0	9,0
III	KHẢO SÁT MỎ VẬT LIỆU		#REF!	#REF!	#REF!
1	Khảo sát điều tra mỏ đất	công	1,0	1,0	2,0
2	Khảo sát điều tra mỏ đá	công	1,0	1,0	2,0
3	Khảo sát điều tra mỏ cát	công	1,0	1,0	2,0
4	Khảo sát vị trí đồ thái, điều phối dọc	công	2,0	2,0	4,0
5	Điều tra trạm trộn BTXM	công	2,0	2,0	4,0
IV	KHẢO SÁT THỦY VĂN				
1	Điều tra cụm mực nước dọc tuyến	công	5,0	13,0	18,0
2	Điều tra cụm mực nước tại vị trí cầu	công		2,0	2,0
3	Đo vẽ trắc dọc lòng sông (dưới nước-ĐH cấp V)	100m		1,0	1,0
4	Đo vẽ mặt cắt ngang không chế lưu lượng	100m		9,0	9,0
	+ Đo vẽ trắc ngang trên cạn (ĐH cấp VI)	100m		6,3	6,3
	+ Đo vẽ trắc ngang dưới nước (ĐH cấp V)	100m		2,7	2,7
V	ĐIỀU TRA THU THẬP SỐ LIỆU		1,0	1,0	2,0
1	Điều tra số liệu kinh tế xã hội, môi trường	công	2,0	2,0	4,0
2	Điều tra số liệu GTVT, đền bù, GPMB ...	công	2,0	2,0	4,0
VI	CHI PHÍ KHÁC		1,0	1,0	2,0
1	Chi phí khác bao gồm Chi phí đi lại, chi phí chuyển quân, vận chuyển thiết bị khảo sát, phụ cấp khác...	Trộn gói	1,0	1,0	2,0

1.2. Nội dung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1.2.1. Lập BCNCKT theo đúng quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014 và được sửa đổi bổ sung tại Khoản 2 Điều 3 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Thiết kế cơ sở được lập theo đúng nội dung quy mô đầu tư đã được phê duyệt để đạt được mục tiêu của dự án, phù hợp với công trình xây dựng thuộc dự án, bảo đảm sự đồng bộ giữa các công trình khi đưa vào khai thác, sử dụng. Thiết kế cơ sở gồm thuyết minh và các bản vẽ thể hiện các nội dung sau:

- a) Vị trí xây dựng, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng;
- b) Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có);
- c) Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng;
- d) Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí xây dựng cho từng công trình;
- đ) Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;
- e) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng và kết quả khảo sát xây dựng để lập thiết kế cơ sở.

1.4.2. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gồm:

- a) Sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư xây dựng, địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất, quy mô công suất và hình thức đầu tư xây dựng;
- b) Khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án như sử dụng tài nguyên, lựa chọn công nghệ thiết bị, sử dụng lao động, hạ tầng kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, yêu cầu trong khai thác sử dụng, thời gian thực hiện, phương án giải phóng mặt bằng xây dựng, tái định cư (nếu có), giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, vận hành, sử dụng công trình và bảo vệ môi trường;
- c) Đánh giá tác động của dự án liên quan đến việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, an toàn trong xây dựng, phòng, chống cháy, nổ và các nội dung cần thiết khác;
- d) Tổng mức đầu tư và huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;
- đ) Các nội dung khác có liên quan.

1.3. Nội dung và hình thức hồ sơ:

- a) Nội dung hồ sơ:
 - Phần I: Thuyết minh báo cáo khảo sát và nghiên cứu khả thi.
 - Phần II: Thiết kế cơ sở.
 - + Thuyết minh thiết kế cơ sở.
 - + Bản vẽ TKCS.
 - Phần III: Tổng mức đầu tư.
- b) Quy định về hồ sơ:
 - Phần I: Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thuyết minh thiết kế cơ sở, báo cáo khảo sát khổ giấy A4.

- Phần II: Các loại bản vẽ thiết kế khổ giấy theo quy định A3 - A0.
- Phần III: Tổng mức đầu tư khổ giấy A4.

c) Yêu cầu về báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất

Báo cáo khảo sát địa hình, địa chất công trình, khảo sát thủy văn... giai đoạn lập báo cáo NCKT gồm (Theo quy định tại Điều 33 Nghị định 175/2024/NĐ-CP):

1. Căn cứ thực hiện khảo sát xây dựng.
2. Quy trình và phương pháp khảo sát xây dựng.
3. Khái quát về vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát xây dựng, đặc điểm, quy mô, tính chất của công trình.
4. Khối lượng khảo sát xây dựng đã thực hiện.
5. Kết quả, số liệu khảo sát xây dựng.
6. Các ý kiến đánh giá, lưu ý, đề xuất (nếu có).
7. Kết luận và kiến nghị.
8. Các phụ lục, bản vẽ khảo sát kèm theo.

- Nhà thầu phải hoàn thành sản phẩm hợp đồng theo danh mục công việc nêu tại điều khoản tham chiếu. Hình thức, số lượng giao nộp từng sản phẩm hợp đồng theo yêu cầu Chủ đầu tư, đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ Quốc phòng và Nhà nước.

2. Thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

Dự kiến nhà thầu trúng thầu triển khai thực hiện dịch vụ tư vấn ngay sau khi hợp đồng tư vấn được ký kết.

IV. Báo cáo và thời gian thực hiện

- Các báo cáo phải nộp bao gồm: Thực hiện chế độ giao ban tiến độ vào 08 giờ 30 phút sáng thứ 2 hàng tuần tại Quân khu 4, Nhà thầu tư vấn phải có báo cáo bằng văn bản về tiến độ thực hiện công việc.

- Thời gian thực hiện: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực.

V. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu: Theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu.

VI. Trách nhiệm của bên mời thầu:

Bên mời thầu sẽ cử cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp để hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi tiến độ và phối hợp giải quyết các vướng mắc (nếu có); cung cấp những tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công trình cho tổ chức tư vấn (trong phạm vi cho phép); thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Bên mời thầu cho phép các nhân viên tư vấn, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác có liên quan đến dự án khi nhà thầu tư vấn yêu cầu để thực hiện dịch vụ tư vấn.

Về tất cả các vấn đề nhà thầu tư vấn thông báo cho bên mời thầu bằng văn bản, bên mời thầu có văn bản trả lời trong khoảng thời gian thích đáng để không làm chậm trễ dịch vụ.

- Kiểm tra năng lực nhà thầu so với Hồ sơ đề xuất.
- Bố trí cán bộ để cùng làm việc với nhà thầu tư vấn;
- Trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định;
- Thanh toán kinh phí tư vấn cho nhà thầu khi nhà nước cấp vốn;
- Lưu trữ hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.